

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BT, HT&ĐC DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ THỂ THAO OLYMPIC (KHU ĐÔ THỊ THỂ THAO QUỐC TẾ HÀ NỘI) (ĐQT5)

ĐỊA ĐIỂM: THÔN VĂN QUÁN, XÃ THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 05/06/2026 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Oai)

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú (Thôn)	Số CCCD	Số phát hành	Ngày cấp	Thông tin thửa đất do đạc theo mảnh trích do				Theo Giấy tờ pháp lý						DT thu hồi vĩnh viễn (m2)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP. Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của Hội đồng nhân dân TP. Hà Nội (2 x 155.000đ/m2)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thuường tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)	Tổng tiền BT, HT GPMB (đồng)	Người nhận tiền (Ký ghi rõ họ tên)
						Tờ bản đồ	Số thửa	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Diện Tích thửa GCN	Loại đất	Loại đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Xứ Đồng trên GCN						
1																					
1	Nguyễn Đình Mẫn	Văn Quan	001062051114	CE 6609439	04/11/2016	11	11	216	216,000	216	LUC	LUC	10	21	Cầu Thông	717,0	66.960.000	167.400.000	2.160.000	785.115.000	
				CE 6609439	04/11/2016	21	140	256	256,000	256	LUC	LUC	165-40	5	Đồng Găng		79.360.000	198.400.000	2.560.000		
				CE 6609439	04/11/2016	11	65	86	86,000	180	LUC	LUC	00	00	Cổ Hạc		26.660.000	66.650.000	860.000		
				CE 6609439	04/11/2016	16	300	76	76,000	231	LUC	LUC	00	00	Man Ngoài		23.560.000	58.900.000	760.000		
				CE 6609439	04/11/2016	16	341	83	83,000		LUC	LUC	00	00	Man Ngoài		25.730.000	64.325.000	830.000		
2	Nguyễn Xuân Huy	Văn Quan	001070014612	CE 609458	04/11/2016	13	200	575	575,000	575	LUC	LUC	37	04	Cổ ngựa T3	3.483,5	178.250.000	445.625.000	10.000.000	3.789.597.500	
				CE 609458	04/11/2016	13	204	371	371,000	371	LUC	LUC	40	4	Cổ ngựa T1		115.010.000	287.525.000			
				CE 609458	04/11/2016	21	31	128	17,500	128	LUC	LUC	15-62	4	Chũng Giữa		5.425.000	13.562.500			
				CE 609458	04/11/2016	17	19	1477	1477,000	1477	LUC	LUC	8	16	Man Lúa Dưới		457.870.000	1.144.675.000			
				CE 609458	04/11/2016	17	26	827	827,000	827	LUC	LUC	7	16	Man Lúa Dưới		256.370.000	640.925.000			
				CE 609458	04/11/2016	22	388	216	216,000	216	LUC	LUC	230-33	5	Phần Trăm		66.960.000	167.400.000			
3	Nguyễn Thị Luyến	thôn Văn Quán	001151014001	CE 609425	04/11/2016	13	193	865	865,0	865	LUC	LUC	35	4	Cổ ngựa	3.375,0	268.150.000	670.375.000	10.000.000	3.671.875.000	
		thôn Văn Quán		CE 609425	04/11/2016	21	169	324	324,0	324	LUC	LUC	191-44	5	Đồng Găng		100.440.000	251.100.000			
		thôn Văn Quán		CE 609425	04/11/2016	17	92	287	287,0	377	LUC	LUC	94-86	4	Man ngoài		88.970.000	222.425.000			
		thôn Văn Quán		CE 609425	04/11/2016	12	176	1.733	1733,0	1733	LUC	LUC	35	17	Man Lúa		537.230.000	1.343.075.000			
		thôn Văn Quán		CE 609425	04/11/2016	21	42	166	166,0	166	LUC	LUC	168-24	5	Chũng Giữa		51.460.000	128.650.000			
4	Nguyễn Đình May	thôn Văn Quán	1060002771	CE 006815	31/08/2016	17	138	2337	2.337,0	2337	LUC	LUC	02	15	Trăm Giữa	3.059,0	724.470.000	1.811.175.000	10.000.000	3.329.015.000	
		thôn Văn Quán		CE 006815	31/08/2016	22	231	430	430,0	430	LUC	LUC	02	23	Đồng Găng		133.300.000	333.250.000			
		thôn Văn Quán		CE 006816	01/09/2016	11	161	11	11,0		LUC	LUC	52-29	5	Chũng Giữa		3.410.000	8.525.000			



8	Trương Tuấn Anh	thôn Vân Quán	1074012642	CE 600979	04/11/2016	17	76	288	<b>288,0</b>	288	LUC	LUC	0	0	Chăm Giữa	2.552,0	89.280.000	223.200.000	10.000.000	2.778.920.000
		thôn Vân Quán		CE 600979	04/11/2016	16	90	1365	<b>1.365,0</b>	1365	LUC	LUC	16	22	Cửa Quán		423.150.000	1.057.875.000		
		thôn Vân Quán		CE 600979	04/11/2016	13	32	507	<b>507,0</b>	507	LUC	LUC	37	05	Đồng Cộc		157.170.000	392.925.000		
		thôn Vân Quán		CE 600979	04/11/2016	16	166	158	<b>158,0</b>	158	LUC	LUC	00	00	Man Ngoài		48.980.000	122.450.000		
		thôn Vân Quán		CE 600979	04/11/2016	28	337	54	<b>54,0</b>	54	LUC	LUC	00	00	Ma Dũ		16.740.000	41.850.000		
		thôn Vân Quán		CE 600979	04/11/2016	22	109	180	<b>180,0</b>	180	LUC	LUC	00	00	Chũng Giữa		55.800.000	139.500.000		
9	Nguyễn Xuân Tín	thôn Vân Quán	1067039636	CE 207969	09/09/2016	21	166	673	<b>673,0</b>	673	LUC	LUC	164-67	05	Đồng Găng Trên	2.379,5	208.630.000	521.575.000	10.000.000	2.591.757.500
		thôn Vân Quán		CE 207969	09/09/2016	12	64	1639	<b>1.639,0</b>	1639	LUC	LUC	21	20	Đồng Khoai		508.090.000	1.270.225.000		
		thôn Vân Quán		CE 207969	09/09/2016	16	314	82	<b>67,5</b>	82	LUC	LUC	97-131	04	Man Trong (MC: Man Trong)		20.925.000	52.312.500		
10	Dương Văn Doanh	thôn Vân Quán	1065036681	CE 609465	04/11/2016	24	21	1797	<b>1797,0</b>	1797	LUC	LUC	21	12	Chăm Dưới	4.379,0	557.070.000	1.392.675.000	10.000.000	4.761.215.000
		thôn Vân Quán		CE 609465	04/11/2016	22	223	126	<b>126,0</b>	126	LUC	LUC	168-170	05	Chũng Giữa		39.060.000	97.650.000		
		thôn Vân Quán		CE 609465	04/11/2016	13	184	700	<b>700,0</b>	700	LUC	LUC	22	07	Cổ Ngựa		217.000.000	542.500.000		
		thôn Vân Quán		CE 609465	04/11/2016	23	178	241	<b>241,0</b>	241	LUC	LUC	94-178	04	Man Dưới		74.710.000	186.775.000		
		thôn Vân Quán		CE 609465	04/11/2016	23	436	67	<b>67,0</b>	67	LUC	LUC	94-124	04	Mạ Sang Lúa		20.770.000	51.925.000		
		thôn Vân Quán		CE 600996	04/11/2016	18	237	1040	<b>1040,0</b>	1040	LUC	LUC	06	12	Chăm Dưới		322.400.000	806.000.000		
		thôn Vân Quán		CE 600996	04/11/2016	28	155	148	<b>148,0</b>	148	LUC	LUC	168-170	05	Chũng Giữa		45.880.000	114.700.000		
		thôn Vân Quán		CE 600996	04/11/2016	23	170	74	<b>74,0</b>	74	LUC	LUC	94-107	04	Man Trong		22.940.000	57.350.000		
		thôn Vân Quán		CE 600996	04/11/2016	28	208	186	<b>186,0</b>	186	LUC	LUC	32	01	Tự Nhiên		57.660.000	144.150.000		
11	Nguyễn Xuân Trường	thôn Vân Quán	1089052822	CE 600918	04/11/2016	17	84	1101	<b>1101,0</b>	1101	LUC	LUC	26	14	Chăm Giữa	1.533,0	341.310.000	853.275.000	10.000.000	1.673.305.000
		thôn Vân Quán		CE 600918	04/11/2016	22	294	270	<b>270,0</b>	270	LUC	LUC	00	00	Chũng Giữa		83.700.000	209.250.000		
		thôn Vân Quán		CE 600918	04/11/2016	28	338	162	<b>162,0</b>	162	LUC	LUC	00	00	Ma Dũ		50.220.000	125.550.000		
		thôn Vân Quán		CE 600969	04/11/2016	17	238	1597	<b>1597,0</b>	1597	LUC	LUC	35	15	Chăm Giữa	495.070.000	1.237.675.000	10.000.000		

12	Nguyễn Xuân Thiện	thôn Vân Quán	1071044701	CE 600969	04/11/2016	28	71	188	188,0	224	LUC	LUC	00	00	Bãi+Chung giữa	2.720,0	58.280.000	145.700.000	2.961.200.000
		thôn Vân Quán		CE 600969	04/11/2016	23	186	213	213,0	313	LUC	LUC	00	00	Mạ Man	66.030.000	165.075.000		
		thôn Vân Quán		CE 600969	04/11/2016	23	402	10	10,0		LUC	LUC	00	00	Mạ Man	3.100.000	7.750.000		
		thôn Vân Quán		CE 600969	04/11/2016	17	230	90	90,0		LUC	LUC	00	00	Mạ Man	27.900.000	69.750.000		
		thôn Vân Quán		CE 600969	04/11/2016	24	74	622	622,0		622	LUC	LUC	13	09	Nảy	192.820.000	482.050.000	
13	Nguyễn Thị Lại (bà Nguyễn Thị Lại đã chết ông Nguyễn Văn Hùng đại diện)	thôn Vân Quán	1072033526	CE 600907	04/11/2016	18	185	576	576,0	576	LUC	LUC	14	13	Chằm Cá	1.092,0	178.560.000	446.400.000	1.194.820.000
		thôn Vân Quán		CE 600907	04/11/2016	22	438	152	152,0	152	LUC	LUC	00	00	Mạ Chung Giữa	47.120.000	117.800.000		
		thôn Vân Quán		CE 600907	04/11/2016	23	194	202	202,0	255	LUC	LUC	00	00	Mạ Man	62.620.000	156.550.000		
		thôn Vân Quán		CE 600907	04/11/2016	23	313	162	162,0	162	LUC	LUC	00	00	Ma Dũ	50.220.000	125.550.000		
14	Nguyễn Công Thành (ông Nguyễn Công Thành đã chết bà Nguyễn Thị Hương đại diện)	thôn Vân Quán	1163030527	CE 207977	09/09/2016	16	153	77	77,0	212	LUC	LUC	95-25	05	Mạ Chiêm	2.807,0	23.870.000	59.675.000	3.055.595.000
		thôn Vân Quán		CE 207977	09/09/2016	16	220	45	45,0		LUC	LUC	95-25	05	Mạ Chiêm	13.950.000	34.875.000		
		thôn Vân Quán		CE 207977	09/09/2016	16	394	50	50,0		LUC	LUC	95-25	05	Mạ Chiêm	15.500.000	38.750.000		
		thôn Vân Quán		CE 207977	09/09/2016	22	240	108	108,0	108	LUC	LUC	229-31	05	Phần Trảm	33.480.000	83.700.000		
		thôn Vân Quán		CE 207977	09/09/2016	22	21	79	79,0	79	LUC	LUC	187-31	05	Chung Giữa	24.490.000	61.225.000		
		thôn Vân Quán		CE 207977	09/09/2016	18	187	2043	2043,0	2043	LUC	LUC	10	13	Chằm Cá	633.330.000	1.583.325.000		
		thôn Vân Quán		CE 207977	09/09/2016	21	157	210	210,0	210	LUC	LUC	192-68	05	Đồng Găng	65.100.000	162.750.000		
		thôn Vân Quán		CE 207977	09/09/2016	21	196	195	195,0	195	LUC	LUC	161-30	05	Đồng Lươn	60.450.000	151.125.000		
15	Nguyễn Thị Ninh	thôn Vân Quán	001161007975	CH 160310	30/12/2016	18	167	296	296,0	296	LUC	LUC	39	14	Chằm Giữa	1968	91.760.000	229.400.000	2.145.280.000
		thôn Vân Quán		CH 160310	30/12/2016	22	354	57	57,0	89	LUC	LUC	55-13	5	Mạ Ré	17.670.000	44.175.000		
		thôn Vân Quán		CH 160310	30/12/2016	22	537	32	32,0		LUC	LUC	55-13	5	Mạ Ré	9.920.000	24.800.000		
		thôn Vân Quán		CH 160310	30/12/2016	28	255	1249	1249,0	1249	LUC	LUC	02	00	Đồng Sổ	387.190.000	967.975.000		

		thôn Vân Quán		CH 160310	30/12/2016	23	49	83	<b>83,0</b>		LUC	LUC	79-1	04	Mạ Chiêm		25.730.000	64.325.000	0	
		thôn Vân Quán		CH 160310	30/12/2016	23	100	35	<b>35,0</b>	212	LUC	LUC	79-1	04	Mạ Chiêm		10.850.000	27.125.000	0	
		thôn Vân Quán		CH 160310	30/12/2016	28	101	216	<b>216,0</b>	216	LUC	LUC	224-5	05	Phấn Trám		66.960.000	167.400.000	0	
16	Ông Nguyễn Đạt Dũng	thôn Vân Quán	<b>001087049417</b>	DI 839252	28/06/2023	18	230	1504	<b>1504,0</b>	1504	LUC	LUC	13	12	Chăm Dười	1504	466.240.000	1.165.600.000	10.000.000	1.641.840.000
17	Nguyễn Xuân Thắng	thôn Vân Quán	<b>001060009793</b>	CE 179844	09/09/2016	17	100	1815	<b>1815,0</b>	1815	LUC	LUC	15	15	Chăm Giữa	2.656,0	562.650.000	1.406.625.000	10.000.000	2.891.760.000
		thôn Vân Quán		CE 179844	09/09/2016	13	105	707	<b>707,0</b>	707	LUC	LUC	23	03	Đồng Gộc		219.170.000	547.925.000		
		thôn Vân Quán		CE 179844	09/09/2016	17	216	83	<b>83,0</b>	250	LUC	LUC	00	00	Mạ Chiêm		25.730.000	64.325.000		
		thôn Vân Quán		CE 179844	09/09/2016	22	237	51	<b>51,0</b>	244	LUC	LUC	00	00	Mạ ré		15.810.000	39.525.000		
18	Nguyễn Đăng Toàn	thôn Vân Quán	<b>001068038545</b>	CE 609468	04/11/2016	13	163	515	<b>515,0</b>	515	LUC	LUC	62	04	Cổ Nưa	2.118,0	159.650.000	399.125.000	10.000.000	2.308.030.000
		thôn Vân Quán		CE 609468	04/11/2016	12	79	1041	<b>1041,0</b>	1041	LUC	LUC	03	20	Đồng Khoai		322.710.000	806.775.000		
		thôn Vân Quán		CE 609468	04/11/2016	21	129	202	<b>202,0</b>	202	LUC	LUC	152-6	05	Đồng Lươn		62.620.000	156.550.000		
		thôn Vân Quán		CE 609468	04/11/2016	11	58	50	<b>50,0</b>	190	LUC	LUC	107-123	05	Cổ Hạc		15.500.000	38.750.000		
		thôn Vân Quán		CE 609468	04/11/2016	16	83	26	<b>26,0</b>	195	LUC	LUC	90-118	05	Man Ngoài		8.060.000	20.150.000		
		thôn Vân Quán		CE 609468	04/11/2016	16	160	94	<b>94,0</b>		LUC	LUC	90-118	05	Man Ngoài		29.140.000	72.850.000		
		thôn Vân Quán		CE 609468	04/11/2016	22	341	108	<b>108,0</b>	108	LUC	LUC	236-110	05	Cửa Chùa		33.480.000	83.700.000		
		thôn Vân Quán		CE 609468	04/11/2016	22	55	82	<b>82,0</b>	82	LUC	LUC	188-34	05	Chũng Giữa		25.420.000	63.550.000		
19	Nguyễn Văn Quang	thôn Vân Quán	<b>001065011322</b>	CE 586556	30/09/2016	17	90	1577	<b>1577,0</b>	1577	LUC	LUC	08	15	Chăm Giữa	2.270,0	488.870.000	1.222.175.000	10.000.000	2.472.950.000
		thôn Vân Quán		CE 586556	30/09/2016	22	130	416	<b>416,0</b>	416	LUC	LUC	00	00	Đồng Găng		128.960.000	322.400.000		
		thôn Vân Quán		CE 586556	30/09/2016	17	323	133	<b>133,0</b>	211	LUC	LUC	93-78	05	Man		41.230.000	103.075.000		
		thôn Vân Quán		CE 586556	30/09/2016	16	428	36	<b>36,0</b>	78	LUC	LUC	93-78	5	Man		11.160.000	27.900.000		
		thôn Vân Quán		CE 586556	30/09/2016	21	82	108	<b>108,0</b>	148	LUC	LUC	106-120	5	Cổ Hạc + Cầu T		33.480.000	83.700.000		

20	Nguyễn Cao Tư	thôn Vân Quán	CE 207979	09/09/2016	12	118	1082	<b>1082,0</b>	1082	LUC	LUC	03	19	Chuôm Thầy	2.248,7	335.420.000	838.550.000	10.000.000	2.449.839.500
		thôn Vân Quán	CE 207979	09/09/2016	21	210	196	<b>196,0</b>	196	LUC	LUC	00	00	Đông Găng					
		thôn Vân Quán	CE 207979	09/09/2016	21	190	300	<b>300,0</b>	300	LUC	LUC	160-50	05	ĐÔNG Lươn					
		thôn Vân Quán	CE 207979	09/09/2016	16	173	79	<b>79,0</b>	394	LUC	LUC	95-23	05	Ma Chiêm					
		thôn Vân Quán	CE 207979	09/09/2016	16	332	137	<b>137,0</b>		LUC	LUC	95-23	05	Ma Chiêm					
		thôn Vân Quán	CE 207979	09/09/2016	16	330	68	<b>68,0</b>		LUC	LUC	95-23	05	Ma Chiêm					
		thôn Vân Quán	CE 207979	09/09/2016	16	407	49	<b>49,0</b>		LUC	LUC	95-23	05	Ma Chiêm					
		thôn Vân Quán	CE 207979	09/09/2016	22	355	270	<b>270,0</b>	270	LUC	LUC	229-46	05	Phản Trảm					
		thôn Vân Quán	001058006256	CE 207979	09/09/2016	21	24	118	<b>67,7</b>	118	LUC	LUC	158-7	05		Chũng giữa			
		21	Ngô Thị Nhật	thôn Vân Quán	CH 160296	30/12/2016	17	277	1364	<b>1364,0</b>	1364	LUC	LUC	17		14	Chảm Giữa	2.328,0	
thôn Vân Quán	CH 160296			30/12/2016	28	361	56	<b>56,0</b>	169	LUC	LUC	189-27	05	Bãi+chũng giữa					
thôn Vân Quán	CH 160296			30/12/2016	22	202	72	<b>72,0</b>	113	LUC	LUC	189-27	5	Bãi+chũng giữa					
thôn Vân Quán	CH 160296			30/12/2016	13	49	558	<b>558,0</b>	558	LUC	LUC	54	03	Đổng Cộc					
thôn Vân Quán	CH 160296			30/12/2016	23	430	6	<b>6,0</b>	216	LUC	LUC	28-15	2TC	Man					
thôn Vân Quán	CH 160296			30/12/2016	23	202	92	<b>92,0</b>		LUC	LUC	28-15	2TC	Man					
thôn Vân Quán	CH 160296			30/12/2016	23	213	72	<b>72,0</b>		LUC	LUC	28-15	2TC	Man					
thôn Vân Quán	001168036740			CH 160296	30/12/2016	23	332	108	<b>108,0</b>	108	LUC	LUC	236-19	05	Ma Đũ				
22	Dương Thiệu Hà			thôn Vân Quán	CE 586602	30/09/2016	21	125	44	<b>44,0</b>	44	LUC	LUC	37	06	Đông Găng	2.786,2		13.640.000
		thôn Vân Quán	CE 586602	30/09/2016	21	112	326	<b>326,0</b>	326	LUC	LUC	43	05	Đông Lươn					
		thôn Vân Quán	CE 586602	30/09/2016	21	15	159	<b>106,6</b>	159	LUC	LUC	21	05	Chũng Giữa					
		thôn Vân Quán	CE 586590	30/09/2016	16	7	1376	<b>1376,0</b>	1376	LUC	LUC	28	21	Cầu Thông					

		thôn Vân Quán	001057027990	CE 586590	30/09/2016	16	165	184	184,0	256	LUC	LUC	83-90	05	Man	57.040.000	142.600.000	
		thôn Vân Quán		CE 586590	30/09/2016	16	413	71	70,6		LUC	LUC	83-90	05	Man	21.886.000	54.715.000	
		thôn Vân Quán		CE 586590	01/10/2016	12	35	679	679,0	679	LUC	LUC	34	05	Đồng cộc	210.490.000	526.225.000	
23	Nguyễn Văn Hiến	thôn Vân Quán		CE 609397	04/11/2016	23	380	794	794,0	794	LUC	LUC	6	11	Miếu	246.140.000	615.350.000	10.000.000
		thôn Vân Quán		CE 609397	04/11/2016	23	248	108	108,0	108	LUC	LUC	15-172	02	Ma Sang Lúa	33.480.000	83.700.000	
		thôn Vân Quán		CE 609397	04/11/2016	23	69	82,4	82,4	328	LUC	LUC	77-169	02	Ma Man	25.544.000	63.860.000	
		thôn Vân Quán		CE 609397	04/11/2016	23	139	82	9,4		LUC	LUC	77-169	02	Ma Man	2.914.000	7.285.000	
		thôn Vân Quán		CE 609397	05/11/2016	13	84	1435	1435,0	1435	LUC	LUC	17	03	Đồng cộc	444.850.000	1.112.125.000	
		thôn Vân Quán	001052003089	CE 609397	04/11/2016	28	32	378	378,0	378	LUC	LUC	177-167	05	Ma Dù	117.180.000	292.950.000	
		thôn Vân Quán		CE 006826	31/08/2016	12	144	1634	1634,0	1634	LUC	LUC	20	00	Cầu Thông	506.540.000	1.266.350.000	10.000.000
		thôn Vân Quán		CE 006826	31/08/2016	12	5	855	855,0	855	LUC	LUC	15	00	Đồng Góc	265.050.000	662.625.000	0
		thôn Vân Quán		CE 006826	31/08/2016	21	187	500	500,0	500	LUC	LUC	193-89	05	Đồng Găng	155.000.000	387.500.000	0
		thôn Vân Quán		CE 006826	31/08/2016	16	43	158	158,0	328	LUC	LUC	243-48	05	Cổ Hạc+bãi Bông+Cầu Thông	48.980.000	122.450.000	0
		thôn Vân Quán		CE 006826	31/08/2016	16	172	72	72,0		LUC	LUC	84-57	05	Man Ngoài+tron	22.320.000	55.800.000	0
		thôn Vân Quán		CE 006826	31/08/2016	16	214	112	112,0	335	LUC	LUC	84-57	05	Man Ngoài+tron	34.720.000	86.800.000	0
		thôn Vân Quán		CE 006826	31/08/2016	16	235	61	61,0		LUC	LUC	84-57	05	Man Ngoài+tron	18.910.000	47.275.000	0
		thôn Vân Quán		CE 006826	31/08/2016	16	352	90	90,0		LUC	LUC	84-57	05	Man Ngoài+tron	27.900.000	69.750.000	0
		thôn Vân Quán	00106041630	CE 006826	31/08/2016	22	84	64	64,0	64	LUC	LUC	188-39	05	Chùng Giữa	19.840.000	49.600.000	0
		thôn Vân Quán		CH 160284	30/12/2016	21	136	209	209,0	209	LUC	LUC	165-37	05	Đồng Găng	64.790.000	161.975.000	9.110.000
		thôn Vân Quán		CH 160284	30/12/2016	21	134	413	413,0	413	LUC	LUC	151-23	05	Đồng Lươn	128.030.000	320.075.000	0
		thôn Vân Quán		CH 160284	30/12/2016	11	117	13	13,0	266	LUC	LUC	55-7	05	Ma Ré Cổ Hạc	4.030.000	10.075.000	0
25	Dương Thị Thanh	thôn Vân Quán		CH 160284	30/12/2016	11	117	13	13,0	266	LUC	LUC	55-7	05	Ma Ré Cổ Hạc	64.790.000	161.975.000	9.110.000

		thôn Vân Quán	CH 160284	30/12/2016	16	189	89	<b>89,0</b>	264	LUC	LUC	19-9	2TC	Ma Man	27.590.000	68.975.000	0		
		thôn Vân Quán	CH 160284	30/12/2016	16	217	91	<b>91,0</b>		LUC	LUC	19-9	2TC	Ma Man	28.210.000	70.525.000	0		
		thôn Vân Quán	CH 160284	30/12/2016	21	25	96	<b>96,0</b>	96	LUC	LUC	157-44	05	Chũng Giữa	29.760.000	74.400.000	0		
26	Nguyễn Như Hòa	thôn Vân Quán	CE 586503	30/09/2016	12	91	1783	<b>1783,0</b>	1783	LUC	LUC	08	19	Chuôm Thày	552.730.000	1.381.825.000	10.000.000		
		thôn Vân Quán	CE 586503	30/09/2016	12	197	200	<b>200,0</b>	200	LUC	LUC	11	20	Đồng Khoai	62.000.000	155.000.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 586503	30/09/2016	21	150	493	<b>493,0</b>	493	LUC	LUC	149-58	5	Lươn trên	152.830.000	382.075.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 586503	30/09/2016	16	31	54	<b>54,0</b>	216	LUC	LUC	21-25	05	Cổ Hạc	16.740.000	41.850.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 586503	30/09/2016	16	248	108	<b>108,0</b>	216	LUC	LUC	28-1	2TC	Ma Man	33.480.000	83.700.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 586503	30/09/2016	16	447	108	<b>33,3</b>		LUC	LUC	28-1	2TC	Ma Man	10.323.000	25.807.500	0		
27	Dương Văn Bình	thôn Vân Quán	CE 600952	04/11/2016	22	290	77	<b>77,0</b>	296	LUC	LUC	188-100	05	Bãi+chũng giữa	23.870.000	59.675.000	10.000.000		
		thôn Vân Quán	CE 600952	04/11/2016	28	184	201	<b>201,0</b>	296	LUC	LUC	188-100	05	Bãi+chũng giữa	62.310.000	155.775.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 600952	04/11/2016	13	58	211,7	<b>211,7</b>	475	LUC	LUC	07	03	Đồng Cộc	65.627.000	164.067.500	0		
		thôn Vân Quán	CE 600952	04/11/2016	23	57	261	<b>261,0</b>	416	LUC	LUC	94-131	04	Man	80.910.000	202.275.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 600952	04/11/2016	24	73	1219	<b>1219,0</b>	1219	LUC	LUC	03	10	Náy Trong	377.890.000	944.725.000	0		
28	Dương Văn Tùng	thôn Vân Quán	CE 586549	30/09/2016	13	169	669	<b>669,0</b>	669	LUC	LUC	01	07	Cổ ngưa	207.390.000	518.475.000	10.000.000		
		thôn Vân Quán	CE 586549	30/09/2016	16	181	85	<b>85,0</b>	150	LUC	LUC	230-5	05	Man	26.350.000	65.875.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 586549	30/09/2016	17	75	65	<b>65,0</b>		LUC	LUC	230-5	05	Man	20.150.000	50.375.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 586549	30/09/2016	16	60	42	<b>42,0</b>	221	LUC	LUC	248-64	02	Cổ Hạc	13.020.000	32.550.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 586549	30/09/2016	17	14	1721	<b>1721,0</b>	0	LUC	LUC	21	17	Man Lúa	533.510.000	1.333.775.000	0		
		thôn Vân Quán	CE 609460	04/11/2016	28	345	1398	<b>1398,0</b>	1398	LUC	LUC	34	23	Đồng Lươn	433.380.000	1.083.450.000	10.000.000		

29	Nguyễn Cao Bình	thôn Vân Quán	001062011744	CE 609460	04/11/2016	21	117	346	<b>346,0</b>	346	LUC	LUC	152-7	05	Đồng Lưon	2.024,0	107.260.000	268.150.000	0	2.206.040.000
		thôn Vân Quán		CE 609460	04/11/2016	21	176	255	<b>255,0</b>	255	LUC	LUC	160-11	05	Đồng Lưon		79.050.000	197.625.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 609460	04/11/2016	23	203	25	<b>25,0</b>	25	LUC	LUC	214-3	2TC	Ma Sang Lúa		7.750.000	19.375.000	0	
30	Nguyễn Công Yên	thôn Vân Quán	001061006510	CH 160283	30/12/2016	13	38	646	<b>646,0</b>	646	LUC	LUC	51	3	Đồng Cộc	3.566,0	200.260.000	500.650.000	10.000.000	3.879.110.000
		thôn Vân Quán		CH 160283	30/12/2016	19	15	2000	<b>2000,0</b>	2920	LUC	LUC	08	07	Mu Rùa		620.000.000	1.550.000.000	0	
		thôn Vân Quán		CH 160283	30/12/2016	19	102	920	<b>920,0</b>	920	LUC	LUC	08	07	Mu Rùa		285.200.000	713.000.000	0	
31	Nguyễn Đức Tiến	thôn Vân Quán	001072041169	CE 586576	30/9/2016	14	8	2263	<b>2263,0</b>	2263	LUC	LUC	08	05	Đồng Chương	2.263,0	701.530.000	1.753.825.000	10.000.000	2.465.355.000
32	Nguyễn Mạnh Dư	thôn Vân Quán	001082020387	CE 600976	04/11/2016	24	132	3113	<b>3113,0</b>	3113	LUC	LUC	9	11	Cánh Miếu	3.113,0	965.030.000	2.412.575.000	10.000.000	3.387.605.000
33	Nguyễn Công Toàn	thôn Vân Quán	001066038636	CE 609472	04/11/2016	11	57	61	<b>61,0</b>	240	LUC	LUC	103-25	05	Cổ Hạc	3.137,0	18.910.000	47.275.000	10.000.000	3.413.645.000
		thôn Vân Quán		CE 609472	04/11/2016	16	339	46	<b>46,0</b>	252	LUC	LUC	98-4	05	Mạ Man		14.260.000	35.650.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 609472	04/11/2016	16	449	72	<b>72,0</b>	206	LUC	LUC	98-4	05	mạ Man		22.320.000	55.800.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 609472	04/11/2016	17	41	1542	<b>1542,0</b>	1542	LUC	LUC	25	17	Man Lúa		478.020.000	1.195.050.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 609472	04/11/2016	22	170	108	<b>108,0</b>	108	LUC	LUC	222-17	05	Cửa Chùa		33.480.000	83.700.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 609472	04/11/2016	22	51	97	<b>97,0</b>	97	LUC	LUC	187-16	05	Chũng Giữa		30.070.000	75.175.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 609473	04/11/2016	13	188	637	<b>637,0</b>	637	LUC	LUC	02	07	Cổ ngựa		197.470.000	493.675.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 609473	04/11/2016	22	453	430	<b>430,0</b>	430	LUC	LUC	14	23	Đồng Găng		133.300.000	333.250.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 609473	04/11/2016	22	268	108	<b>108,0</b>	108	LUC	LUC	239-56	05	Cửa Chùa		33.480.000	83.700.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 609473	04/11/2016	16	471	36	<b>36,0</b>	36	LUC	LUC	87-47	05	Man		11.160.000	27.900.000	0	
34	Nguyễn Minh Tân	thôn Vân Quán	001068019346	CE 586560	30/09/2016	22	118	225	<b>225,0</b>	225	LUC	LUC	190-24	05	Đồng Găng	2.477,0	69.750.000	174.375.000	10.000.000	2.697.545.000
		thôn Vân Quán		CE 586560	30/09/2016	28	356	2127	<b>2127,0</b>	2127	LUC	LUC	36	23	Đồng Lưon		659.370.000	1.648.425.000	0	
		thôn Vân Quán		CE 586560	30/09/2016	22	73	125	<b>125,0</b>	125	LUC	LUC	188-101	05	Chũng giữa		38.750.000	96.875.000	0	

35	Nguyễn Minh Tuấn	thôn Vân Quán	001070008210	CE 609437	04/11/2016	18	113	2115	2115,0	2115	LUC	LUC	35	14	Châm Giữa	3.222,0	655.650.000	1.639.125.000	10.000.000	3.505.870.000
		thôn Vân Quán		CE 609437	04/11/2016	23	129	205	205,0	277	LUC	LUC	00	00	Ma Man		63.550.000	158.875.000		
		thôn Vân Quán		CE 609437	04/11/2016	23	164	79	79,0	79	LUC	LUC	00	00	Ma Sang Lúa		24.490.000	61.225.000		
		thôn Vân Quán		CE 609437	04/11/2016	24	47	823	823,0	823	LUC	LUC	19	09	Nây		255.130.000	637.825.000		
		thôn Vân Quán		CE 586515	30/09/2016	12	80	877	877,0	877	LUC	LUC	12	00	Chuôm Thầy		271.870.000	679.675.000	10.000.000	
36	Nguyễn Như Hưng	thôn Vân Quán	001064001300	CE 586515	30/09/2016	12	198	426	426,0	426	LUC	LUC	06	00	Đồng Khoai	1.522,0	132.060.000	330.150.000		1.661.370.000
		thôn Vân Quán		CE 586515	30/09/2016	22	72	219	219,0	219	LUC	LUC	00	00	Chũng Giữa		67.890.000	169.725.000		
		thôn Vân Quán		CE 586515	30/09/2016	22	72	219	219,0	219	LUC	LUC	00	00	Chũng Giữa		67.890.000	169.725.000		
<b>Tổng:</b>									<b>90.385,40</b>							<b>90.385,4</b>	<b>28.019.474.000</b>	<b>70.048.685.000</b>	<b>356.280.000</b>	<b>98.424.439.000</b>

(Bằng chữ: Chín mươi tám tỷ, bốn trăm hai mươi tư triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Mạnh**

